

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **196/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 615/TB-TA, ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VB, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm ĐT4, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Nguyễn Ngọc B được sự mai mối. Sau thời gian tìm hiểu cả hai

được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đi đến hôn nhân. Hôn nhân tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước vào ngày 10/10/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn cho vợ chồng nhưng mâu thuẫn của cả hai vẫn không giải quyết được. Chị và anh B đã ly thân hơn mười một năm nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không còn qua lại. Hiện tại do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B;

Về con chung: Chị và anh B có một con chung tên Nguyễn Ngọc Kha L, sinh ngày 26/6/2007. Hiện đang sống với anh Nguyễn Ngọc B. Thời gian ly thân thì chị vẫn tới lui thăm con, lo cho con ăn học tuy nhiên khi ly hôn chị cũng có hỏi nguyện vọng con muốn sống với ai thì con có nguyện vọng được sống với cha nên khi ly hôn chị sẽ để cho con được tiếp tục ổn định sống với anh B, chị không tranh chấp việc nuôi con với anh B. Chị đồng ý giao con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng khi cả hai ly hôn. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị sẽ tự thỏa thuận với anh B.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc B không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 30 tháng 9 năm 2021: Chị S vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh B. Anh B có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh B được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh B.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị S và anh B tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 10 tháng 10 năm 2007. Sau khi kết hôn

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị S yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cả hai đã ly thân hơn mười một năm nay. Hiện tại do tình cảm không còn nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa chị S và anh B; anh, chị lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, anh B không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa anh, chị. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S với anh B.

[3.2] Về con chung: Chị S và anh B có một con chung Nguyễn Ngọc Kha L, sinh ngày 26/6/2007. Hiện hai con đang sống với anh B. Khi ly hôn, do con có nguyện vọng được sống với cha nên chị sẽ để anh B tiếp tục nuôi con. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu L, ngày 11/6/2021 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với cha. Mặc dù anh B không có văn bản yêu cầu nuôi con tuy nhiên thực tế trong thời gian qua anh là người trực tiếp nuôi con, chị S không tranh chấp việc nuôi con với anh nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B phải tạo điều kiện cho chị S trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị S trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị S, anh B phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu S với anh Nguyễn Ngọc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118/KH.MP, quyền số 01/07 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Thị Thu S ngày 10 tháng 10 năm 2007 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Nguyễn Ngọc Kha L, sinh ngày 26/6/2007 giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

Anh B phải tạo điều kiện cho chị S trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002818 ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chị S đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu